

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HS-ST
Ngày: 15-8-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Q Vinh

Ông Nguyễn Triệu Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thanh Nhài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST – HS ngày 21/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 01/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị N** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ, sinh năm 1981 tại: T, Bắc Ninh; Nơi cư trú: Tổ 7, phường Q, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty môi trường đô thị L; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình Khởi, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bảy, sinh năm 1954; Chồng: Nguyễn Hữu Thái, sinh năm 1976 (đã ly hôn tháng 7 năm 2023); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Gia đình 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/4/2023 đến ngày 05/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Q, thành phố L, tỉnh L cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Phú C, sinh năm: 1982

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt có lý do).

2. Anh Phạm Thanh Q, sinh năm: 1982

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt có lý do)

3. Anh Chèo San Chòi, sinh năm: 1988

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Bản Lăn N, xã Lăn N, huyện P, tỉnh L (vắng mặt có lý do).

4. Anh Lý Văn T, sinh năm: 1993

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Bản Lùng Thàng, xã Sùng Phài, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt có lý do).

5. Anh Tấn Páo Chiêm, sinh năm: 1990

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Bản Lăn N, xã Lăn N, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Thư C, sinh năm: 1986

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt có lý do).

7. Chị Đỗ Thị Hiên, sinh năm: 1983

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Đ, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt có lý do).

8. Chị Hồ Thị Thủy, sinh năm: 1990 Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện T, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2009, bị cáo Nguyễn Thị N được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ tên hộ “Mai Hiên”, địa điểm kinh doanh tại số nhà 019, đường 10/10, tổ 7, phường Q, thành phố L, tỉnh L. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, ngoài việc cho vay cầm đồ theo quy định thì bị cáo Nguyễn Thị N còn cho nhiều người khác vay tiền dưới hình thức thế chấp tài sản với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính (*trong đó có những lần thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ nhưng chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, có lần thu lợi bất chính trên 30.000.000đ*), cụ thể như sau:

1. Cho anh Chèo San Chòi vay: Ngày 15/3/2022, anh Chèo San Chòi, sinh năm 1988, trú tại bản Lán N, xã Lán N, huyện P, tỉnh L đến gặp N thể chấp xe mô tô biển kiểm soát 25P1-034.30 vay số tiền 3.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N đưa 1.000.000đ tiền mặt và chuyển khoản 2.000.000đ còn lại vào số tài khoản 7806205026312 của anh Chòi mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh tỉnh L. Từ khi vay tiền đến ngày 24/5/2022, anh Chòi đến gặp N trả 3.000.000đ tiền gốc và 852.000đ tiền lãi của khoản vay rồi lấy xe về.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã cho anh Chèo San Chòi vay số tiền 3.000.000đ trong thời gian 71 ngày (từ ngày 15/3/2022 – 24/5/2022) với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 852.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 116.712đ nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh Chòi vay lãi nặng là: 852.000đ - 116.712đ = 735.288 đồng.

2. Cho anh Lý Văn T vay: Trong khoảng thời gian từ năm tháng 6/2022 đến tháng 4/2023, Nguyễn Thị N 03 lần cho anh Lý Văn T, sinh năm 1993, trú tại bản Lùng Thàng, xã Sùng Phái, thành phố L, tỉnh L vay lãi nặng, gồm:

Lần thứ nhất: Ngày 21/6/2022, anh T đến gặp N thể chấp xe mô tô biển kiểm soát 25B1-103.93 vay số tiền 5.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N lấy 5.000.000đ tiền mặt đưa cho anh T. Từ khi vay tiền đến ngày 30/6/2022, anh T đến gặp N trả số tiền gốc đã vay và 250.000đ tiền lãi rồi lấy xe mô tô về.

Lần thứ hai, thứ ba: Ngày 22/3/2023, anh T tiếp tục đến gặp N thể chấp xe mô tô biển kiểm soát 88F3-6147 để vay 4.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N lấy tiền mặt đưa cho anh T số tiền 4.000.000đ. Đến ngày 05/4/2023, anh T tiếp tục đến gặp N thể chấp xe mô tô biển kiểm soát 25B1-103.93 vay số tiền 2.500.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng vay tiền, N lấy tiền mặt đưa cho anh T số tiền 2.500.000đ, anh T thêm tiền của mình để trả tiền gốc 4.000.000đ, tiền lãi 280.000đ của khoản vay ngày 22/3/2023 rồi lấy lại xe mô tô biển kiểm soát 88F3-6147 và trả trước 250.000đ tiền lãi của khoản vay 2.500.000đ cho N. Đến ngày 26/4/2023 N bị bắt nên anh T chưa trả tiền gốc, tiền lãi còn thiếu để lấy xe mô tô về.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã 03 lần cho anh Lý Văn T vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong đó:

Lần thứ nhất bị cáo cho anh T vay 5.000.000đ, trong thời gian 10 ngày (từ ngày 21/6/2022 đến ngày 30/6/2022) với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu được 250.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 27.397đ, nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh T vay lãi nặng là: $250.000đ - 27.397đ = 222.603đ$.

Lần thứ hai: Bị cáo Nguyễn Thị N cho anh T vay 4.000.000đ, trong thời gian 14 ngày (từ ngày 22/3/2023 đến ngày 05/4/2023) với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu được 280.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 30.685đ, nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh T vay lãi nặng là: $280.000đ - 30.685đ = 249.315đ$.

Lần thứ ba: Bị cáo Nguyễn Thị N cho anh T vay 2.500.000đ, trong thời gian 22 ngày (từ ngày 05/4/2023 đến ngày 26/4/2023) với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, nhằm thu số tiền lãi là 275.000đ. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 30.137đ, nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh T vay lãi nặng là: $275.000đ - 30.137đ = 244.863đ$ (trong đó số tiền lãi thực tế N đã nhận được từ ngày 05/4/2023 đến ngày 26/4/2023 là 250.000đ, số tiền lãi tương đương 20%/năm bị cáo đã nhận được 27.397đ và số tiền thu lợi bất chính N đã nhận được 222.603đ).

3. Cho anh Tấn Páo Chiêm vay: Trong tháng 8/2022, bị cáo Nguyễn Thị N đã 02 lần cho anh Tấn Páo Chiêm, sinh năm 1990, trú tại bản Lản N, xã Lản N, huyện P, tỉnh L vay lãi nặng, gồm:

Lần thứ nhất: Ngày 11/8/2022, anh Chiêm đến gặp N thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 25F3-3951 vay số tiền 2.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và anh Chiêm điền chỉ vào hợp đồng cầm đồ, N lấy 2.000.000đ tiền mặt đưa cho anh Chiêm. Từ khi vay tiền đến ngày 20/8/2022, anh Chiêm đến gặp N trả 2.000.000đ tiền gốc, 100.000đ tiền lãi rồi lấy xe mô tô về.

Lần thứ hai: Ngày 21/8/2022, anh Chiêm tiếp tục đến gặp N thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 25F3-3951 vay số tiền 2.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và anh Chiêm điền chỉ vào hợp đồng cầm đồ, N đưa cho anh Chiêm 2.000.000đ tiền mặt. Từ khi vay tiền đến ngày 27/8/2022, anh Chiêm đến gặp N trả 2.000.000đ tiền gốc, 70.000đ tiền lãi rồi lấy xe mô tô về.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã 02 lần cho anh Tấn Páo Chiêm vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong đó:

Lần thứ nhất: Bị cáo Nguyễn Thị N cho anh Tân Páo Chiêm vay 2.000.000đ, trong thời gian 10 ngày (từ ngày 11/8/2022 đến ngày 20/8/2022) với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu được 100.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 10.959đ, nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh Chiêm vay lãi nặng là: $100.000đ - 10.959đ = 89.041đ$.

Lần thứ hai: Bị cáo Nguyễn Thị N cho anh Tân Páo Chiêm vay 2.000.000đ, trong thời gian 07 ngày (từ ngày 21/8/2022 đến ngày 27/8/2022) với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu được 70.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 7.671đ, nên số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính khi cho anh Chiêm vay lãi nặng là: $70.000đ - 7.671đ = 62.329đ$.

4. Cho anh Phạm Thanh Q vay: Ngày 12/02/2023, anh Phạm Thanh Q, sinh năm 1982, trú tại tổ 8, phường T, thành phố L, tỉnh L đến gặp N thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 23H-207.70 vay số tiền 5.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N đưa cho anh Q 5.000.000đ tiền mặt. Từ khi vay tiền đến ngày 23/3/2023, anh Q đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của N để thanh toán tiền lãi của khoản vay với số tiền 800.000đ. Từ ngày 24/3/2023 đến ngày khi N bị bắt ngày 26/4/2023, anh Q chưa trả tiền lãi và hiện tại vẫn chưa trả tiền gốc cho N để lấy xe về.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã cho anh Phạm Thanh Q vay 5.000.000đ trong thời gian 74 ngày (từ ngày 12/02/2023-26/4/2023) với lãi suất 146% năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu 1.480.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 202.740đ, nên số tiền mà N thu lợi bất chính khi cho anh Q vay lãi nặng là $1.480.000đ - 202.740 = 1.277.260đ$ (trong đó số tiền lãi thực tế N đã nhận được từ ngày 12/02/2023 đến ngày 23/3/2023 là 800.000đ, số tiền lãi tương đương 20%/năm N đã nhận được 109.589đ và số tiền thu lời bất chính N đã nhận được 690.411đ).

5. Cho anh Nguyễn Thu C vay: Ngày 02/3/2023, anh Nguyễn Thu C, sinh năm 1986, trú tại Tổ 5, phường Đ, thành phố L, tỉnh L đến gặp N thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 25B1-839.42 để vay số tiền 10.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N đưa cho anh C 10.000.000đ tiền mặt. Từ khi vay tiền đến khi N bị bắt ngày 26/4/2023, anh C chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho N.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã cho anh Nguyễn Thư C vay 10.000.000đ trong thời gian 56 ngày (từ ngày 02/3/2023-26/4/2023) với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu 1.680.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 306.849đ, nên số tiền mà N nhằm mục đích thu lợi bất chính khi cho anh C vay lãi nặng là $1.680.000đ - 306.849đ = 1.373.151đ$.

6. Cho anh Nguyễn Phú C vay: Ngày 06/3/2023, anh Nguyễn Phú C sinh năm 1982, trú tại Tổ 3, phường Đ, thành phố L đến gặp N thế chấp xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV biển kiểm soát 29A-469.15 để vay số tiền 300.000.000đ, được N đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Sau khi thỏa thuận và ký vào hợp đồng cầm đồ, N chuyển 300.000.000đ từ tài khoản ngân hàng của mình số 36210000375299 mở tại BIDV đến tài khoản số 109629225588, mở tại Ngân hàng Viettinbank của anh C. Từ khi vay tiền đến ngày 14/4/2023, anh C đã 02 lần chuyển tiền vào số tài khoản của N trả tiền lãi với tổng số tiền 48.000.000đ. Đến ngày 25/4/2023, anh C chuyển khoản trả cho N 300.000.000đ tiền gốc và nợ lại số tiền lãi 11 ngày tương ứng với số tiền 13.200.000đ nhưng chưa kịp đến gặp N trả phần tiền lãi còn thiếu để lấy xe về thì bị Cơ quan điều tra phát hiện.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị N đã cho anh Nguyễn Phú C vay 300.000.000đ trong thời gian 51 ngày (từ ngày 06/3/2023-25/4/2023) với lãi suất 146% năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm mục đích thu 61.200.000đ tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất N được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 8.383.562đ, nên số tiền N thu lợi bất chính khi cho C vay tiền là $61.200.000đ - 8.383.562đ = 52.816.438đ$ (trong đó số tiền lãi thực tế N đã nhận được từ ngày 06/3/2023 đến ngày 14/4/2023 là 48.000.000đ, số tiền lãi tương đương 20%/năm bị cáo đã nhận được 6.575.342đ và số tiền thu lời bất chính N đã nhận được 41.424.658đ).

Toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi thu được khi cho những người có quyền lợi và N vụ liên quan vay lãi nặng, bị cáo Nguyễn Thị N đều sử dụng cho những người sau vay và trang trải cuộc sống gia đình.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ: 01 xe ô tô BKS 29A-469.15, 01 xe mô tô BKS: 23H1-207.70; 01 xe mô tô BKS: 25B1-839.42, 01 xe mô tô BKS: 25B1-003.84, 01 xe mô tô BKS: 25B1-103.93, 01 xe mô tô mang BKS: 25B1-705.30; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc kèm theo thẻ sim điện thoại mang số 0966226258 kèm theo một số giấy tờ liên quan. Trên cơ sở kết quả điều tra: Ngày 08/6/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-CSKT, trả lại cho anh Nguyễn Phú C 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV biển kiểm soát: 29A-469.15, kèm theo 01 Giấy

đăng ký xe ô tô, mang số 048366, do Phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2011. Số vật chứng còn lại hiện đang được bảo quan theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 50/CT- VKSLC, ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đã truy tố Nguyễn Thị N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

* Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đề nghị:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị N số tiền *316.000.000 đồng (Ba trăm mười sáu triệu đồng)* để nộp ngân sách Nhà nước (là tiền bị cáo sử dụng để cho anh Chèo San Chòi, Lý Văn T, Tấn Páo Chiêm, Nguyễn Phú C, Phạm Thanh Q, Nguyễn Thư C vay) và số tiền *6.905.752 đồng* là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay (*gồm: anh Chèo San Chòi, Lý Văn T, Tấn Páo Chiêm, Nguyễn Phú C, Phạm Thanh Q*). Bị cáo được khấu trừ 44.220.000 đồng bị cáo đã nộp, còn phải tịch thu tiếp số tiền 278.685.752 đồng.

- Truy thu của những người có quyền lợi, N vụ liên quan anh Lý Văn T, Phạm Thanh Q, Nguyễn Thư C số tiền *17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng)* để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của anh Lý Văn T số tiền 2.500.000đ, truy thu của anh Phạm Thanh Q số tiền 5.000.000đ, truy thu của anh Nguyễn Thư C số tiền 10.000.000đ (là tiền bị cáo cho vay nhưng hiện anh T, Q và C chưa trả cho bị cáo).

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, N vụ liên quan (người vay) số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính 43.696.248 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho anh Chèo San Chòi số tiền 735.288 đồng;

- Trả lại cho anh Lý Văn T số tiền 694.521 đồng;

- Trả lại cho anh Tân Páo Chiêm số tiền 151.370 đồng;
- Trả lại cho anh Phạm Thanh Q số tiền 690.411 đồng;
- Trả lại cho anh Nguyễn Phú C số tiền 41.424.658 đồng.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc kèm theo thẻ sim điện thoại mang số 0966226258, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

* Trả lại cho những người có quyền lợi và N vụ liên quan các tài sản sau:

- Trả lại cho anh Lý Văn T 01 xe mô tô BKS: 25B1-103.93, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: 738826, số khung: 738765, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe máy số 005742 mang tên Lý Văn T.

- Trả lại cho anh Phạm Thanh Q 01 xe mô BKS: 23H1-207.70, màu sơn: đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, số máy: E32VE236139, số khung: 3720LY046483, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe và 01 Giấy đăng ký xe máy số 009563, mang tên Phan Mùi Mùi.

- Trả lại cho anh Nguyễn Thư C 01 xe máy tô BKS: 25B1-839.42, màu sơn: xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE, số máy: JA39E2383191, số khung: RLHJA3928MY262878, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe máy số 009801 mang tên Nguyễn Huy Sỹ.

- Trả lại cho chị Đỗ Thị Hiền: 01 xe mô tô BKS: 25B1-705.30, màu sơn: trắng vàng, nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOVO, số máy: 5P11276850, số khung: P11AY276839, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe máy số 006493 mang tên Vũ Quốc Tiến.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 01 xe mô tô BKS: 25B1-003.84, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOVO, số máy: 5P11296251, số khung: P11BY296250, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe máy số 024762 mang tên Bùi Văn Duy.

* Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai đã khai báo tại cơ quan điều tra về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 4/2023, tại địa bàn thành phố L, tỉnh L, bị cáo Nguyễn Thị N đã liên tiếp, nhiều lần cho 06 người gồm: anh Chèo San Chòi, anh Lý Văn T, anh Tấn Páo Chiêm, anh Phạm Thanh Q, anh Nguyễn Thư C, anh Nguyễn Phú C vay với tổng số tiền là 333.500.000 đồng với lãi suất từ 109,50 %/năm đến 182,50 %/năm, gấp 5,48 đến 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 57.070.288 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã nhận là 43.696.248 đồng, số tiền còn lại vì nguyên nhân ngoài ý muốn (*người vay chưa có tiền để trả hoặc chưa kịp thu lời thì bị phát hiện bắt giữ*) nên bị cáo chưa thu được hết. Bị cáo Nguyễn Thị N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Điều luật quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng:

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng vì tư lợi bất chính nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình công tác tại Công ty Môi trường đô thị L, bị cáo được Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh L tặng Bằng khen nữ công nhân tiêu biểu trong lao động sản xuất. Bên cạnh đó, sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã giao nộp lại số tiền 44.220.000 đồng thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng với nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có thể xem xét áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo, thể hiện được sự khoan hồng của chính sách pháp luật vừa đảm bảo việc răn đe, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe ô tô biển kiểm soát: 29A-469.15, màu sơn: tintan, nhãn hiệu: HONDA, số loại: CRV, số máy: K24Z15830312, số khung:

RLHRE3875BY100322, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Đỗ Thanh Huyền số 048366 của xe ô tô biển kiểm soát: 29A-469.15, màu sơn: tintan, nhãn hiệu: HONDA-CRV. Trên cơ sở kết quả điều tra: Ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-CSKT, trả lại cho anh Nguyễn Phú C 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV biển kiểm soát: 29A-469.15, kèm theo 01 Giấy đăng ký xe ô tô, mang số 048366, do Phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2011. Xét việc trao trả trên là đúng quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

+ 01 xe mô tô BKS: 25B1-103.93, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: 738826, số khung: 738765, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Lý Văn T, số 005742 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-10393, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA- SIRIUS. Xét đây là tài sản hợp pháp của anh Lý Văn T, nên cần trả lại cho anh Lý Văn T theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô BKS: 23H1-207.70, màu sơn: đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: E32VE236139, số khung: 3720LY046483, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Phan Mùi Mùi, số 009563 của xe máy biển kiểm soát: 23H1-207.70, màu sơn: đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS. Xét đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Thanh Q, nên cần trả lại cho anh Phạm Thanh Q theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô BKS: 25B1-839.42, màu sơn: xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE, số máy: JA39E2383191, số khung: RLHJA3928MY262878, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Huy Sỹ, số 009801 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-839.42, màu sơn: Xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA-WAVE. Xét đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thư C, nên cần trả lại cho anh Nguyễn Thư C theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô BKS: 25B1-705.30, màu sơn: trắng vàng, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOVO, số máy: 5P11276850, số khung: P11AY276839, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Vũ Quốc Tiến, mang số 006493, của xe máy biển kiểm soát: 25B1-705.30, màu sơn: trắng vàng, nhãn hiệu YAMAHA-NOVO. Xét đây là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị Hiên, nên cần trả lại cho chị Đỗ Thị Hiên theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 xe mô tô BKS: 25B1-003.84, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOVO, số máy: 5P11296251, số khung: P11BY296250, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng

xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Bùi Văn Duy, số 024762 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-003.84, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA-NOVO. Xét đây là xe bị cáo N nhận cầm cố của chị Hồ Thị Thủy, quá trình điều tra xác định, bị cáo cho vay với lãi suất cao nhất là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên không phạm tội. Hiện chị Thủy chưa trả tiền gốc vay cho bị cáo để lấy xe về), nên cần trả lại cho bị cáo N theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc kèm theo thẻ sim điện thoại mang số 0966226258. Xét đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng để trao đổi cho vay lãi nặng, nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với 18 Hợp đồng cầm đồ của cửa hàng cầm đồ bị cáo Nguyễn Thị N cho cá nhân khách hàng vay tiền dưới hình thức thế chấp tài sản. Hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ.

+ 01 quyển vở học sinh được đánh số từ 1 đến 16. Kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N. Xét việc trao trả trên là đúng quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền bị cáo sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng, hiện những người vay đã trả cho bị cáo tổng cộng là 316.000.000 đồng gồm:

- + Anh Chèo San Chòi số tiền 3.000.000 đồng;
- + Anh Lý Văn T số tiền 9.000.000 đồng;
- + Anh Tấn Páo Chiêm số tiền 4.000.000 đồng;
- + Anh Nguyễn Phú C số tiền 300.000.000 đồng;

Số tiền trên là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị N theo Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thực tế bị cáo đã được nhận của những người vay tổng cộng là 6.905.752 đồng gồm:

- + Anh Chèo San Chòi số tiền 116.712 đồng;
- + Anh Lý Văn T số tiền 85.479 đồng;
- + Anh Tấn Páo Chiêm số tiền 18.630 đồng;

- + Anh Nguyễn Phú C số tiền 6.575.342 đồng;
- + Anh Phạm Thanh Q số tiền 109.589 đồng.;

Xét đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền trên đối với bị cáo theo Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tổng cộng hai khoản tiền truy thu trên là 322.905.752 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 44.220.000 đồng bị cáo đã nộp trong giai đoạn điều tra. Còn lại tiếp tục truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 278.685.752 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả cho bị cáo là 17.500.000 đồng gồm:

- + Anh Lý Văn T số tiền 2.500.000 đồng;
- + Anh Phạm Thanh Q số tiền 5.000.000 đồng;
- + Anh Nguyễn Thư C số tiền 10.000.000 đồng;

Số tiền trên cần truy thu của những người vay là anh T, anh Q, anh C để sung ngân sách Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị N thu lợi bất chính, những người vay đã trả cho bị cáo là 43.696.248 đồng (số tiền lãi vượt quá 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự). Do đó, cần buộc bị cáo N phải trả lại cho những người vay theo Điều 48 Bộ luật hình sự, gồm:

- + Trả cho anh Chèo San Chòi số tiền 735.288 đồng;
- + Trả cho anh Lý Văn T số tiền 694.521 đồng;
- + Trả cho anh Tân Páo Chiêm số tiền 151.370 đồng;
- + Trả cho anh Phạm Thanh Q số tiền 690.411 đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Phú C số tiền 41.424.658 đồng.

- Đối với số tiền lãi bị cáo Nguyễn Thị N chưa thu của anh Nguyễn Thư C là 1.373.151 đồng (số tiền lãi vượt quá 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự). Do bị cáo N chưa thu của anh Nguyễn Thư C, nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Trong vụ án này:

- Ngoài những lần cho vay lãi nặng nêu trên, kết quả điều tra xác định Nguyễn Thị N còn nhiều lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng số tiền thu lợi bất chính mỗi lần đều dưới 30.000.000đ, gồm: (1) Từ ngày 24/4/2021 đến ngày 30/4/2021 N cho anh Lý Văn T vay 5.000.000đ với lãi suất 182,5%/năm, gáp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự,

thu lợi bất chính 155.822đ; (2) Từ ngày 07/4/2022 đến ngày 16/4/2022, N tiếp tục cho anh Lý Văn T vay số tiền 4.000.000đ với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 178.082đ; (3) Từ ngày 02/01/2022 đến ngày 10/01/2022, N cho anh Tân Páo Chiêm vay 2.500.000đ với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 100.171đ; (4) Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 13/3/2022, N tiếp tục cho anh Chiêm vay 2.000.000đ với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 89.041đ.

Đối với những lần cho vay này, mặc dù lãi suất cho vay vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, nhưng số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000đ và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không đủ cơ sở để cộng dồn, xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong cùng vụ án.

- Ngoài ra, ngày 21/01/2023, Nguyễn Thị N cho anh Tân Páo Chiêm vay số tiền 3.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Tuy nhiên, sau đó do anh Chiêm khó khăn nên N tự nguyện không thu tiền lãi của khoản vay theo như thỏa thuận, vì vậy không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong lần cho vay này.

- Ngoài ra, Nguyễn Thị N còn một số lần khác cho vay với lãi suất cao, gồm: (1) Khoảng cuối năm 2017, N cho chị Hồ Thị Thủy, sinh năm 1990, trú tại bản Đ, xã T, huyện T, tỉnh L vay 10.000.000đ với lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng lãi suất 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; (2) Ngày 14/02/2023, N cho chị Vũ Thị Thanh Trà, sinh năm 1987, trú tại Tổ 28, phường Đ, thành phố L, tỉnh L vay 15.000.000đ với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 36,5%/năm, gấp 1,83 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; (3) Năm 2022, N 02 lần cho anh Đàm Minh Quân, sinh năm 1966, trú tại Nậm Loỏng 2, phường Quyết Thắng, thành phố L, tỉnh L vay tổng số tiền 25.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định; (4) Ngày 19/4/2022, cho chị Nùng Thị Dẻo, sinh năm 1989, trú tại Bản Màng, phường Quyết Thắng, thành phố L, tỉnh L vay 13.500.000đ với lãi suất thỏa thuận 2000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định.

Đối với những lần cho vay này, kết quả điều tra xác định bị cáo cho vay với lãi suất cao nhất là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên không phạm tội.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

[2] Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N phạt tiền 70.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng*).

[3] Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 01 xe mô máy BKS: 25B1-003.84, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOVO, số máy: 5P11296251, số khung: P11BY296250, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Bùi Văn Duy, số 024762 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-003.84, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA- NOVO.

+ Trả lại cho những người có quyền lợi, N vụ liên quan các tài sản sau:

- Trả lại cho anh Phạm Thanh Q 01 xe máy BKS: 23H1-207.70, màu sơn: đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: E32VE236139, số khung: 3720LY046483, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Phan Mùi Mùi, số 009563 của xe máy biển kiểm soát: 23H1-207.70, màu sơn: đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS.

- Trả lại cho anh Nguyễn Thư C 01 xe máy BKS: 25B1-839.42, màu sơn: xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE, số máy: JA39E2383191, số khung: RLHJA3928MY262878, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy

mang tên Nguyễn Huy Sỹ, số 009801 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-839.42, màu sơn: Xanh đen bạc, nhãn hiệu HONDA-WAVE.

- Trả lại cho anh Lý Văn T 01 xe mô máy BKS: 25B1-103.93, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, số máy: 738826, số khung: 738765, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Lý Văn T, số 005742 của xe máy biển kiểm soát: 25B1-10393, màu sơn: trắng đen, nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS.

- Trả lại cho chị Đỗ Thị Hiền 01 xe mô máy BKS: 25B1-705.30, màu sơn: trắng vàng, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOVO, số máy: 5P11276850, số khung: P11AY276839, kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng xe; 01 Giấy đăng ký xe máy mang tên Vũ Quốc Tiến, mang số 006493, của xe máy biển kiểm soát: 25B1-705.30, màu sơn: trắng vàng, nhãn hiệu YAMAHA-NOVO.

+ Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc kèm theo thẻ sim điện thoại mang số 0966226258.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 10 phút ngày 26/7/2023, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 322.905.752 đồng (trong đó, số tiền 316.000.000 đồng là tiền gốc và 6.905.752 đồng là tiền lãi theo quy định, lãi suất 20%/năm), nhưng được trừ vào số tiền 44.220.000 đồng bị cáo đã nộp trong giai đoạn điều tra (số tiền 44.220.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 10 phút ngày 26/7/2023, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L). Còn lại tiếp tục truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 278.685.752 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của những người có quyền lợi, N vụ liên quan gồm:

- + Truy thu đối với anh Lý Văn T số tiền 2.500.000 đồng;
- + Truy thu đối với anh Phạm Thanh Q số tiền 5.000.000 đồng;
- + Truy thu đối với anh Nguyễn Thư C số tiền 10.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải trả cho những người có quyền lợi, N vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính gồm:

- + Trả cho anh Chèo San Chòi số tiền 735.288 đồng;

- + Trả cho anh Lý Văn T số tiền 694.521 đồng;
- + Trả cho anh Tấn Páo Chiêm số tiền 151.370 đồng;
- + Trả cho anh Phạm Thanh Q số tiền 690.411 đồng;
- + Trả cho anh Nguyễn Phú C số tiền 41.424.658 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và N vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga